

Số: 211/KH-MNHN

Bình Khê, ngày 13 tháng 9 năm 2019

KẾ HOẠCH
Thu-chi tiền chăm sóc bán trú năm học 2019-2020

Căn cứ vào văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 18/6/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non;

Căn cứ vào Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ công văn số 2124/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc “Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong cơ sở giáo dục từ năm học 2019-2020”;

Căn cứ hướng dẫn số 795/PGD&ĐT ngày 09/9/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “V/v hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách; chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã từ năm học 2019-2020”;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường. Trường Mầm non Hòa Mi xây dựng kế hoạch thu-chi tiền chăm sóc bán trú năm học 2019-2020 như sau:

I. CƠ SỞ TÍNH TOÁN MỨC THU – CHI:

- Tổng số học sinh : 183 trẻ (100% trẻ học bán trú)
- Số nhóm lớp: 09 lớp

II. KẾ HOẠCH, ĐỊNH MỨC CHI:

1. Tiền thuê nhân viên cấp dưỡng (nấu ăn):

1.1 Mức tiền công cấp dưỡng qua đào tạo:

Căn cứ vào Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

$$3.250.000đ + (3.250.000đ \times 7\%) = 3.477.500đ/tháng.$$

- Mức tiền công cấp dưỡng 01 ngày:

$$3.477.500đ : 22 \text{ ngày} = 158.068đ/tháng.$$

- Mức tiền công trả cho cấp dưỡng qua đào tạo:

$$4 \text{ người} \times 3.477.500 = 13.910.000 \text{ đ}$$

- Tổng cộng tiền chi trả cho nhân viên cấp dưỡng 1 tháng là: 13.910.000đ

Mức chi bình quân /trẻ /tháng: 13.910.000 : 183 trẻ = 76.010/trẻ/tháng

Thu tròn : 76.000đ/trẻ/tháng

(Mức tiền công 01 cấp dưỡng/tháng tính theo số ngày thực làm, kèm theo bảng chấm công)

2. Công tác trông trưa và quản lý lớp bán trú.

2.1 Công tác trông trưa:

- Thời gian trông trưa từ 12h 00 đến 13h 00 (1 giờ/ngày).

- Mức chi tiền công giáo viên trông trưa 01 tháng/ lớp:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 01 \text{ giờ} \times 22 \text{ ngày} = 721.160 \text{ đ}$$

- Tổng chi tiền công giáo viên trông trưa 01 tháng:

$$09 \text{ lớp} \times 721.160 \text{ đ} = 6.490.440 \text{ đ}$$

Mức chi bình quân /trẻ /tháng: 6.490.440đ : 183 trẻ = 35.466 đ/trẻ/ tháng

Thu tròn : 35.500đ/trẻ/tháng

2.2. Tiền công tác quản lý lớp bán trú (BGH, kế toán, thủ quỹ, y tế):

Tính theo thực tế số giờ

- **Ban giám hiệu:** 01 giờ/ ngày x 22 ngày = 22 giờ gồm:

+**Hiệu trưởng:** 10 ngày x 01 giờ/ngày = 10 giờ/tháng

Chi trả công tác quản lý của HT 01 tháng là:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 10 \text{ giờ} = 327.800đ/tháng$$

+**Phó hiệu trưởng 1:** 6 ngày x 01 giờ/ngày = 06 giờ/tháng

Chi trả công tác quản lý của P. hiệu trưởng 01 tháng là:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 06 \text{ giờ} = 196.680đ/tháng$$

+**Phó hiệu trưởng 2:** 6 ngày x 01 giờ/ngày = 06 giờ/tháng

Chi trả công tác quản lý của P. hiệu trưởng 01 tháng là:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 06 \text{ giờ} = 196.680đ/tháng$$

- **Kế toán:** 07 ngày x 1 giờ/ ngày = 07 giờ/tháng

Mức chi cho kế toán 01 tháng là:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 07 \text{ giờ} = 229.460đ/tháng$$

- **Y tế + Thủ quỹ :** 11 ngày x 01 giờ/ ngày = 11 giờ/tháng

Mức chi cho y tế + thủ quỹ 01 tháng là:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 11 \text{ giờ} = 360.580đ/tháng.$$

Tổng mức chi quản lý + nhân viên 1 tháng : 1.311.200đ/tháng

Mức chi bình quân / trẻ/ tháng là: 1.311.200đ : 183 trẻ = 7.165đ/trẻ/ tháng

Thu tròn : 7.200đ/trẻ/tháng

3. Vật tư, dụng cụ tiêu hao

Dự kiến chi cụ thể 01 tháng như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lớp	Số lượng/lớp	Dùng chung nhà bếp	Tổng số	Đơn giá	Thành tiền 1 tháng
1	Xà phòng giặt 1 kg ômo	Kg	09	0,3	0,3	03	45.000	135.000
2	Nước rửa tay lifebouy	Chai	09	01	02	11	30.000	330.000
3	Nước rửa bát thái	Can	09	0	02	02	110.000	220.000
4	Nước Lau sàn Gip	can	09	01	02	11	30.000	330.000
5	Gang tay cao su	Đôi	09			05	20.000	100.000
6	Gang tay túi bóng	Hộp			03	03	15.000	45.000
7	Giẻ rửa bát	Chiếc			03	03	3.000	9.000
8	Cọ rửa xoong nồi	Chiếc			03	03	4.000	12.000
9	Khẩu trang y tế	Hộp			02	02	50.000	100.000
	Cộng:							1.281.000

Trên cơ sở nguyên tắc thu đủ bù chi, mức chi quân 01 tháng/01trẻ là:
1.281.000 đ : 183 trẻ = 7.000 đồng

Thu tròn : 7.000đ/trẻ/tháng

4. Tiền ăn, chất đốt

Mức chi: 15.000đ/trẻ/ngày (bao gồm cả tiền mua thực phẩm, tiền mua chất đốt dùng cho nấu ăn và nấu nước uống) cụ thể:

4.1 Tiền ăn: 13.500trẻ/ngày. (MG và NT)

- + Mẫu giáo: 02 bữa / ngày/ cháu
- Ăn bữa chính trưa : 10.000đ/trẻ/bữa
- Ăn bữa phụ chiều: là : 3.500đ/trẻ/bữa.
- + Nhà trẻ: 03 bữa / ngày/cháu.
- Ăn bữa chính trưa : 7.000đ/trẻ/bữa
- Ăn bữa phụ chiều: 3.000đ/trẻ/bữa
- Ăn bữa chính chiều: 3.500đ

4.2 Tiền ga: 1.500đ/trẻ/ngày (bao gồm gas nấu ăn và gas đun nước uống)

***Tiền ăn + chất đốt : 15.000đ/trẻ/ngày**

***Tổng chi tiền chăm sóc bán trú 01 tháng/01 trẻ = 125.700 đ/trẻ/ tháng.**

Trong đó :

- Thuê cấp dưỡng : 76.000đ/trẻ/tháng
- Trồng trưa giáo viên các lớp : 35.500đ/trẻ/tháng
- Công tác quản lý trồng trưa bán trú : 7.200đ/trẻ/tháng
- Tiền vật dụng tiêu hao : 7.000đ/trẻ/tháng

III. KẾ HOẠCH THU:

Trên cơ sở lấy thu bù chi, định mức chi cho các hoạt động của lớp bán trú:

Chi trả tiền công cho người nấu ăn, giáo viên trồng trưa, chi công tác quản lý, mua sắm, Nhà trường xây dựng định mức thu như sau:

- Mức thu chăm sóc bán trú : 125.700 đ/trẻ/tháng

- Tiền ăn + chất đốt : 15.000đ/ trẻ/ ngày

(Trong đó : Ăn - 13.500 đ/trẻ/ ngày, Chất đốt - 1.500đ/ trẻ/ ngày)

Riêng chất đốt, khi có biến động về giá, căn cứ vào thực tế sử dụng và giá ga biến động, nhà trường thông báo tới phụ huynh học sinh để cân đối đảm bảo phục vụ bữa ăn bán trú (Không thu thêm ngoài kế hoạch).

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU – CHI TIỀN TRỒNG TRƯA BÁN TRÚ.

Tất cả các khoản thu-chi tiền trồng trưa bán trú năm học 2019-2020 đều được đưa vào sổ sách kế toán, hạch toán riêng từng khoản thu-chi, vào báo cáo quyết toán ngân sách và các nguồn khác hàng năm, được công khai quyết toán vào cuối mỗi năm học.

V.TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh nhà trường trên cơ sở đó thống nhất thoả thuận về mức thu, chi kinh phí theo kế hoạch đối với phụ huynh học sinh.

- Ban giám hiệu nhà trường chịu trách nhiệm ký kết các hợp đồng lao động thuê nhân viên cấp dưỡng dưới sự giám sát của Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Hiệu trưởng phối hợp với Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch thu – chi, có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện của cá nhân và từng bộ phận.

- Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác bán trú hàng tháng theo dõi kiểm tra hoạt động của các giáo viên và nhân viên. Đề xuất mua sắm đồ dùng phục vụ lớp bán trú thực hiện theo nguyên tắc tài chính.

- Thủ quỹ: Lập danh sách thu các lớp theo tháng, quản lý tiền mặt và chi trả công theo bảng kê chi tiết hàng tháng, cho các đối tượng thực thi nhiệm vụ, chi trả cho đơn vị cung cấp thực phẩm, ga, đơn vị mua sắm ...

- Kế toán: Lập bảng kê chi các khoản trên được quyết theo tháng (Tính theo số ngày thực học của trẻ); Có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp của hệ thống chứng từ kế toán.

- Tổ trưởng tổ nhà bếp có trách nhiệm giám sát việc sử dụng chất đốt hàng ngày trên tinh thần tiết kiệm.

- Bộ phận tài vụ của nhà trường chịu trách nhiệm thu- chi theo kế hoạch và theo quy định dưới sự giám sát của Ban giám hiệu nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh và tập thể cán bộ, giáo viên.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- CB-GV-NV (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mến

Số: 213/KH-MNHN

Bình Khê, ngày 13 tháng 9 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thu-chi tiền đón sớm trả muộn năm học 2019-2020

Căn cứ vào văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 18/6/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non;

Căn cứ vào Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ công văn số 2124/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc “Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong cơ sở giáo dục từ năm học 2019-2020”;

Căn cứ hướng dẫn số 795/PGD&ĐT ngày 09/9/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “V/v hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách; chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã từ năm học 2019-2020”;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường. Trường Mầm non Hòa Mi xây dựng kế hoạch thu-chi tiền đón sớm trả muộn năm học 2019-2020 như sau:

I. CƠ SỞ TÍNH TOÁN MỨC THU – CHI:

- Tổng số học sinh : 183 trẻ (100% trẻ đón sớm, trả trẻ muộn)
- Số nhóm lớp: 09 lớp

1. Công tác đón trẻ sớm, trả trẻ muộn.

1.1 Công tác đón trẻ sớm, trả trẻ muộn:

- Thời gian đón trẻ sớm từ 07h 00 phút đến 07h30 phút, trả trẻ muộn từ 16h30 đến 17h (1 giờ/ngày).

- Mức chi tiền công giáo viên đón trẻ sớm, trả trẻ muộn 01 tháng/ lớp:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 01 \text{ giờ} \times 22 \text{ ngày} = 721.160đ$$

- Tổng chi tiền công giáo viên đón trẻ sớm, trả trẻ muộn 01 tháng:

$$09 \text{ lớp} \times 721.160 \text{ đ} = 6.490.440đ$$

Mức chi bình quân /trẻ /tháng: 6.490.440đ : 183 trẻ = 35.466 đ/trẻ/ tháng

Thu tròn : 35.500đ/trẻ/tháng

2.2. Tiền công tác quản lý đón trẻ sớm, trả trẻ muộn: (BGH, kế toán, thủ quỹ, y tế):

Tính theo thực tế số giờ.

- **Ban giám hiệu:** 01 giờ/ ngày x 22 ngày = 22 giờ gồm:

+**Hiệu trưởng:** 10 ngày x 01 giờ/ngày = 10 giờ/tháng

Chi trả công tác quản lý của HT 01 tháng là:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 10 \text{ giờ} = 327.800đ/\text{tháng}$$

+**Phó hiệu trưởng 1:** 6 ngày x 01 giờ/ngày = 06 giờ/tháng

Chi trả công tác quản lý của P. hiệu trưởng 01 tháng là:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 06 \text{ giờ} = 196.680đ/\text{tháng}$$

+**Phó hiệu trưởng 2:** 6 ngày x 01 giờ/ngày = 06 giờ/tháng

Chi trả công tác quản lý của P. hiệu trưởng 01 tháng là:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 06 \text{ giờ} = 196.680đ/\text{tháng}$$

- **Kế toán:** 08 ngày x 1 giờ/ ngày = 15 giờ/tháng

Mức chi cho kế toán 01 tháng là:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 08 \text{ giờ} = 262.240đ/\text{tháng}$$

- **Y tế + Thủ quỹ :** 11 ngày x 01 giờ/ ngày = 22 giờ/tháng

Mức chi cho y tế + thủ quỹ 01 tháng là:

$$1.490.000đ \times 2,2\% \times 11 \text{ giờ} = 360.580đ/\text{tháng}$$

Tổng mức chi quản lý + nhân viên 1 tháng : 1.343.980đ/tháng

Mức chi bình quân / trẻ/ tháng là: 1.343.980đ : 183 trẻ = 7.344đ/trẻ/ tháng

Thu tròn : 7.300đ/trẻ/tháng

***Tổng chi tiền đón trẻ sớm, trả trẻ muộn 01 tháng/01 trẻ = 42.800 đ/trẻ/ tháng.**

Trong đó :

- Đón trẻ sớm, trả trẻ muộn giáo viên các lớp : 35.500đ/trẻ/tháng

- Công tác quản lý đón trẻ sớm, trả trẻ muộn: 7.300đ/trẻ/tháng

III. KẾ HOẠCH THU:

- Trên cơ sở lấy thu bù chi, định mức chi cho các hoạt động đón trẻ sớm, trả trẻ muộn.

- Mức thu đón trẻ sớm, trả trẻ muộn: 42.800 đ/trẻ/tháng

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU – CHI TIỀN ĐÓN TRẺ SỚM TRẢ TRẺ MUỘN.

Tất cả các khoản thu-chi tiền đón trẻ sớm trả trẻ muộn năm học 2019-2020 đều được đưa vào sổ sách kế toán, hạch toán riêng từng khoản thu-chi, vào báo cáo quyết toán ngân sách và các nguồn khác hàng năm, được công khai quyết toán vào cuối mỗi năm học.

V.TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh nhà trường trên cơ sở đó thống nhất thỏa thuận về mức thu, chi kinh phí theo kế hoạch đối với phụ huynh học sinh.

- Ban giám hiệu nhà trường chịu trách nhiệm ký kết các hợp đồng lao động thuê nhân viên cấp dưỡng dưới sự giám sát của Ban đại diện cha mẹ học sinh
- Hiệu trưởng phối hợp với Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch thu – chi, có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện của cá nhân và từng bộ phận.
- Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác bán trú hàng tháng theo dõi kiểm tra hoạt động của các giáo viên và nhân viên. Đề xuất mua sắm đồ dùng phục vụ lớp bán trú thực hiện theo nguyên tắc tài chính.
- Thủ quỹ: Lập danh sách thu các lớp theo tháng, quản lý tiền mặt và chi trả công theo bảng kê chi tiết hàng tháng, cho các đối tượng thực thi nhiệm vụ, chi trả cho đơn vị cung cấp thực phẩm, ga, đơn vị mua sắm ...
- Kế toán: Lập bảng kê chi các khoản trên được quyết theo tháng (Tính theo số ngày thực học của trẻ); Có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp của hệ thống chứng từ kế toán.
- Tổ trưởng tổ nhà bếp có trách nhiệm giám sát việc sử dụng chất đốt hàng ngày trên tinh thần tiết kiệm.
- Bộ phận tài vụ của nhà trường chịu trách nhiệm thu- chi theo kế hoạch và theo quy định dưới sự giám sát của Ban giám hiệu nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh và tập thể cán bộ, giáo viên.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- CB-GV-NV (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mến

Số: 212/KH-MNHN

Bình Khê, ngày 13 tháng 9 năm 2019

KẾ HOẠCH
Thu-chi tiền vệ sinh chung năm học 2019-2020

Căn cứ vào văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 18/6/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường mầm non;

Căn cứ công văn số 2124/SGDĐT-KHTC ngày 03/9/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc “Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong cơ sở giáo dục từ năm học 2019-2020”;

Căn cứ hướng dẫn số 795/PGD&ĐT ngày 09/9/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “V/v hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi ngoài ngân sách; chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn thị xã từ năm học 2019-2020”;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường. Trường Mầm non Hòa Mi xây dựng kế hoạch thu-chi tiền vệ sinh chung năm học 2019-2020 như sau:

I. CƠ SỞ TÍNH TOÁN MỨC THU – CHI:

- Tổng số học sinh : 183 trẻ
- Số nhóm lớp: 09 lớp

II. KẾ HOẠCH, ĐỊNH MỨC CHI: Tiền vệ sinh chung

- Chi tiền hỗ trợ người dọn vệ sinh chung: 01 người x 700.000 đ = 700.000đ
- Chi tiền mua giấy vệ sinh: Mỗi lớp 1 cuộn x 09 lớp x 22 ngày x 5.000 đ = 990.000 đ
- Chi mua vìm diệt khuẩn loại (900ml): 09 chai x 30.000 = 270.000đ

Tổng chi một tháng: 1.960.000 đ

Mức chi trung bình 01 trẻ/tháng: 1.960.000 đ : 183 trẻ = 10.710 đ

Làm tròn: 11.000 đ/trẻ/ tháng

III. KẾ HOẠCH THU:

Trên cơ sở lấy thu bù chi, định mức chi cho các hoạt động: Chi trả tiền hỗ trợ người dọn vệ sinh chung, giấy vệ sinh, vìm diệt khuẩn nhà vệ sinh... Nhà trường xây dựng định mức thu như sau:

+ Mức thu 01 trẻ/ tháng là: 11.000 đồng

IV. CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU – CHI TIỀN VỆ SINH CHUNG

Tất cả các khoản thu-chi tiền vệ sinh chung năm học 2019-2020 đều được đưa vào sổ sách kế toán, hạch toán riêng từng khoản thu-chi, vào báo cáo quyết toán ngân sách và các nguồn khác hàng năm, được công khai quyết toán vào cuối mỗi năm học.

V.TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Hiệu trưởng phối hợp với Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch thu – chi, có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện của cá nhân và từng bộ phận.

- Phó Hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra, theo dõi công tác vệ sinh của nhân viên lao công, vệ sinh các lớp. Đề xuất mua sắm dụng cụ vệ sinh để phục vụ công tác vệ sinh chung.

- Thủ quỹ: Lập danh sách thu các lớp theo kỳ (tháng), quản lý tiền mặt và chi trả công theo bảng kê chi tiết hàng tháng, cho các đối tượng thực thi nhiệm vụ...

- Kế toán: Lập bảng kê chi các khoản trên được quyết theo tháng (Tính theo số ngày thực học của trẻ); Có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp của hệ thống chứng từ kế toán.

- Bộ phận tài vụ của nhà trường chịu trách nhiệm thu- chi theo kế hoạch và theo quy định dưới sự giám sát của Ban giám hiệu nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh và tập thể cán bộ, giáo viên.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- CB-GV-NV (t/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mến